

Số: 01/2024/QĐST-HNGĐ

Hoà An, ngày 16 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
“V/v Yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật”

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀ AN, TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ trì phiên họp: Bà Bé Lan Phương.

Thư ký phiên họp: Bà Hoàng Linh Lan – Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoà An, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên họp: Bà Nông Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 01/2024/TLST-HNGĐ, ngày 30 tháng 7 năm 2024 về việc “Yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật” theo Quyết định mở phiên họp số 01/QĐST - HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2024; Quyết định hoãn phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 01/2024/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Bà Mã Thị O - Chủ tịch Hội liên hiệp phụ nữ xã H, huyện A, tỉnh Cao Bằng; Địa chỉ: Ủy ban nhân dân xã H, huyện A, tỉnh Cao Bằng. (Có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Bé Thuỷ T, sinh năm 1976; địa chỉ: Xóm C, xã T, huyện A, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

- Ông Giáp Xuân T, sinh năm 1966; địa chỉ: Xóm C, xã T, huyện A, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

- Ủy ban nhân dân xã H, huyện A, tỉnh Cao Bằng: Ông Trần Văn H; chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H, huyện A, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ

Theo đơn yêu cầu Hủy việc kết hôn trái pháp luật đề ngày 19/7/2024, bản tự khai ngày 09/9/2024 và tại phiên họp, người yêu cầu bà Mã Thị O trình bày:

Bà Bé Thủy T - sinh ngày 25/10/1976 và ông Giáp Xuân T, sinh ngày 21/12/1966 tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện A, tỉnh Cao Bằng vào ngày 05/3/1993. Tại thời điểm bà T và ông T, làm thủ tục đăng ký kết hôn ngày 05/3/1993, thì bà T mới được 16 tuổi 04 tháng 06 ngày (chưa đủ 18 tuổi). Chưa đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 5 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986, việc kết hôn của bà T, ông T là trái pháp luật.

Ngày 18/7/2024, bà T có Đơn đề nghị gửi đến Hội liên hiệp phụ nữ xã H, huyện A, tỉnh Cao Bằng để xem xét “Hủy việc kết hôn trái pháp luật”. Sau khi rà soát và đối chiếu các quy định của pháp luật, nhận thấy việc kết hôn giữa bà T và ông T là trái với quy định của pháp luật, nên bà thay mặt hội liên hiệp phụ nữ xã H, huyện A, tỉnh Cao Bằng yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hòa An xem xét giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Theo đơn đề nghị đề ngày 18/7/2024, bản tự khai ngày 29/8/2024 và tại phiên họp, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Bé Thủy T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông Giáp Xuân T đăng ký kết hôn ngày 05/3/1993 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện A, tỉnh Cao Bằng. Hai bên kết hôn do cha mẹ mai mối, sắp đặt, không được tìm hiểu nhau trước khi kết hôn. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến khoảng năm 2010, vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn và đã sống ly thân từ tháng 2 năm 2023 đến nay. Tháng 5/2024, khi bà T làm thủ tục xin ly hôn với ông T mới phát hiện ra tại thời điểm đăng ký kết hôn bà T mới được 16 tuổi 04 tháng 06 ngày, chưa đủ độ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật. Do đó, bà T đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hòa An xem xét giải quyết hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa bà với ông T.

Về con chung: Trong thời kỳ sống chung, bà và ông T cùng nhận nuôi 01 con chung là Giáp Thị Thu T, sinh ngày 05/4/2001, nay con đã đủ tuổi thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề nuôi con, cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 06/9/2024 và tại phiên họp, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Giáp Xuân T trình bày thống nhất với bà Bé Thủy T về thời gian, địa điểm kết hôn. Tại thời điểm kết hôn, ông không nắm được quy định của pháp luật về độ tuổi kết hôn, việc thực hiện đăng ký kết hôn là do cơ quan có thẩm quyền thực hiện. Nếu việc đăng ký kết hôn của tôi và bà T là trái quy định của pháp luật thì tôi cũng nhất trí với việc hủy kết hôn trái pháp luật.

Về con chung: Nhất trí như lời trình bày của bà T, trong thời kỳ sống chung ông và bà T cùng nhận nuôi 01 người con chung tên Giáp Thị Thu T, sinh ngày 05/4/2001, do con đã đủ tuổi thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề nuôi con, cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 09/9/2024 và tại phiên họp, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đại diện Ủy ban nhân dân xã H ông Trần Văn H; chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H có ý kiến: Qua xem xét hồ sơ lưu trữ tại Ủy ban nhân dân xã H, xác nhận thời điểm đăng ký kết hôn bà T được 16 tuổi 04 tháng 06 ngày, chưa đủ độ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật. Do đó, Ủy ban nhân dân xã H nhất trí đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hòa An xem xét hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa bà Bé Thủy T với ông Giáp Xuân T.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa An về việc giải quyết việc dân sự: Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng đã thực hiện đầy đủ theo Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ: Điều 5 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; khoản 2, khoản 3 Điều 10, khoản 1 Điều 11, Điều 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật của bà Mã Thị O - Chủ tịch Hội Liên hiệp phụ nữ xã H, huyện A, tỉnh Cao Bằng là có căn cứ và hợp pháp. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà Mã Thị O và tuyên bố “Hủy việc kết hôn trái pháp luật” giữa bà Bé Thủy T - sinh ngày 25/10/1976 và ông Giáp Xuân T, sinh ngày 21/12/1966.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Hòa An nhận định:

[1] Về yêu cầu việc dân sự và thẩm quyền giải quyết:

Bà Mã Thị O yêu cầu Tòa án tuyên bố “Hủy việc kết hôn trái pháp luật” giữa bà Bé Thủy T - sinh ngày 25/10/1976 và ông Giáp Xuân T, sinh ngày 21/12/1966 là loại việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 29 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại đơn đề nghị của bà Mã Thị O thể hiện nơi cư trú của bà Bé Thủy T và ông Giáp Xuân T là ở xóm C, xã H, huyện A, tỉnh Cao Bằng nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 35 và điểm g khoản 2 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòa An.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu của bà Mã Thị O yêu cầu Tòa án tuyên bố “Hủy việc kết hôn trái pháp luật” giữa bà Bé Thủy T và ông Giáp Xuân T: Căn cứ Đơn đề nghị, căn cước công dân, Trích lục kết hôn số 253/TLKH-BS ngày 18/7/2024 thể hiện bà Bé Thủy T và ông Giáp Xuân T là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện A, Cao Bằng. Quá trình sống chung giữa bà T và ông T có nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã và đã ly thân từ tháng 2 năm 2023 đến nay. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T có ý định làm thủ tục xin ly hôn. Tuy nhiên, trong quá trình làm các thủ tục ly hôn, bà T đã phát hiện việc đăng ký kết hôn giữa bà và ông

Giáp Xuân T vào ngày 05/3/1993 là vi phạm pháp luật. Do vậy, bà Tiên đã làm đơn đề nghị gửi đến Hội liên hiệp phụ nữ xã H, huyện A, tỉnh Cao Bằng để xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngày 23/7/2024, Chủ tịch Hội liên hiệp phụ nữ xã H, huyện A, tỉnh Cao Bằng đã có đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự đề ngày 19/7/2024 đề nghị “Hủy việc kết hôn trái pháp luật” giữa bà Bé Thuỷ T và ông Giáp Xuân T. Căn cứ Điều 5 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986, Điều 10 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Do đó, việc bà Mã Thị O yêu cầu Tòa án tuyên bố “Hủy việc kết hôn trái pháp luật” giữa bà Bé Thuỷ T và ông Giáp Xuân T là có cơ sở cần chấp nhận.

[3] Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Bà Mã Thị O, đại diện cho tổ chức Hội liên hiệp phụ nữ xã H, làm đơn yêu cầu “Hủy việc kết hôn trái pháp luật” nên không phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 11 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Đối với ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên họp là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản khoản 1 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm g khoản 2 Điều 39; Điều 367; Điều 370; Điều 371; Điều 372 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ Điều 5 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; khoản 2, khoản 3 Điều 10, khoản 1 Điều 11, Điều 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Mã Thị O yêu cầu Tòa án tuyên bố “Hủy việc kết hôn trái pháp luật”

Tuyên bố: “Hủy việc kết hôn trái pháp luật” giữa bà Bé Thuỷ T và ông Giáp Xuân T.

2. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Bà Mã Thị O, đại diện cho tổ chức Hội liên hiệp phụ nữ xã H làm đơn yêu cầu “Hủy việc kết hôn trái pháp luật” nên không phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc giải quyết việc dân sự có quyền kháng cáo quyết định giải

quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định; Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 10 ngày; Viện kiểm sát nhân dân cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- CCTHADS huyện;
- Người yêu cầu;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan
- UBND xã Hồng Việt, Hòa An;
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

(Đã ký)

Bế Lan Phương